

Bản án số: **193** /2017/HSST

Ngày: 11-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Trường.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Bích Thủy.

Ông Nguyễn Văn Lân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Huế (Số 60 đường Nguyễn H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2017/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 đối với:

- *Bị cáo:* Hoàng Trọng T, tên gọi khác: Cu E, sinh năm 1993; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 15, khu vực Đông P, phường Thủy B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Hoàng Trọng L, sinh năm 1966 và bà Đặng Thị Phương D, sinh năm 1968; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 25-4-2013, bị Công an phường Thủy B xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác”. Ngày 02-01-2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 03/2014/HSST;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19-3-2017, chuyển tạm giam từ ngày 22-3-2017 đến nay; có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn Quán H, huyện Quảng N, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Đặng Thị Phương D, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ 5, khu vực Đông P, phường Thủy B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972, địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn Quán H, huyện Quảng N, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hoàng Trọng T (cu E) bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 18-3-2017, với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, Hoàng Trọng T điều khiển xe mô tô 75L1-3173 lưu thông trên các tuyến đường thành phố Huế để tìm cơ hội cướp giật tài sản. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang chạy xe trên đường Lý Thái T hướng từ Bến xe phía Bắc vào cầu An Hòa, T phát hiện chị Ngô Thị H đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73G1-044.40 trên cổ có đeo dây chuyền vàng; phía sau chở chị Nguyễn Thị H1 nên Tuấn liền điều khiển xe bám theo. Đến đoạn đường trước nhà số 58 đường Lý Nam Đ, phường Kim L, thành phố Huế, Tuấn điều khiển xe vượt lên phía bên trái xe của chị Hương rồi dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ chị H. Bất ngờ bị giật tài sản, chị H liền tri hô “Cướp, cướp”. Do bị mất thăng bằng, nên cả hai xe mô tô của T và của chị H đều bị nghiêng nhưng không ai bị thương tích gì. Quá trình gây án, T làm rơi tại hiện trường hai chiếc dép xỏ ngón hiệu Bitis, một điện thoại di động hiệu MobiiStar; riêng sợi dây chuyền của chị H bị giật đứt, rơi mặt tượng hình trái tim. T tiếp tục lái xe tẩu thoát về nhà, kiểm tra tài sản vừa chiếm đoạt được thì thấy sợi dây chuyền đã bị đứt, rơi mất một phần. Chị H nhặt các tài sản rơi tại hiện trường, giao nộp cơ quan điều tra.

Vật chứng đã thu giữ, gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobii Star màu vàng, số Imei 352242021498920;
- 02 chiếc dép xỏ ngón, màu vàng đen, hiệu Bitis;
- 01 tượng hình trái tim bằng kim loại màu vàng, ở giữa có đá màu trắng, bên trái có gắn đá màu trắng, bên phải có hình 3 cái hoa;
- 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 20 cm, bị đứt một phần;
- 01 xe mô tô hiệu Landa Ware, màu xanh, biển số 75L1-3173.

Tại Bản kết luận giám định ngày 11-5-2017 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Mẫu 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có khối lượng 0,95 chỉ, chất lượng 60% vàng; Mẫu 01 tượng dây chuyền kim loại vàng có đính 04 viên hạt màu trắng nhỏ có khối lượng 0,35 chỉ, chất lượng 50% vàng, hạt đã qua sử dụng không có giá trị.

Tại Giấy báo giá ngày 11-5-2017 của Doanh nghiệp Tư nhân hàng vàng Thuận Thành Duy M xác định giá vàng ngày 18-3-2017: Vàng 24k có giá 3.370.000 đồng/01 chỉ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 187/KL-HĐĐG ngày 22-5-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt như sau:

- Một sợi dây chuyền kim loại màu vàng có khối lượng 0,95 chỉ, chất lượng 60% vàng, có giá trị: 1.920.900 đồng;

- Một tượng dây chuyền kim loại vàng có đính 04 viên hạt màu trắng nhỏ có khối lượng 0,35 chỉ, chất lượng 50% vàng, có giá trị 589.750 đồng;

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.510.650 đồng.

Đối với một phần sợi dây chuyền đã bị đứt do Hoàng Trọng T giật và làm rơi mất, không rõ vị trí, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đủ cơ sở trung cầu định giá để xác định giá trị tài sản.

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng:

- Trả lại cho chị Ngô Thị H một sợi dây chuyền kim loại màu vàng khối lượng 0,95 chỉ, chất lượng 60% vàng; một tượng dây chuyền kim loại vàng có đính 04 viên hạt màu trắng nhỏ khối lượng 0,35 chỉ, chất lượng 50% vàng.

- Trả lại cho Hoàng Trọng T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobii Star màu vàng, 02 chiếc dép xỏ ngón, màu vàng đen, hiệu Bitis.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 75L1-3173 thuộc sở hữu của bà Đặng Thị Phương D là mẹ đẻ của T. Bà D cho T mượn xe để đi lại, không biết việc T sử dụng xe làm phương tiện gây án nên đã trả lại xe cho bà D.

Về trách nhiệm dân sự: Một phần sợi dây chuyền bị đứt không thu hồi được, chị H yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Ngày 06-6-2017, bà D đã tự nguyện bồi thường cho chị Hương 1.000.000 đồng thay cho T. Chị H không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ngày 06-6-2017, chị H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Bản cáo trạng số: 178/QĐ-KSĐT ngày 07-8-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố Hoàng Trọng T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản”; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá; bị cáo có nhờ mẹ đẻ là bà Đặng Thị Phương D bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho chị Ngô Thị H.

Bà Đặng Thị Phương D xác nhận bồi thường 1.000.000 đồng cho chị H thay cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Trọng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào tối ngày 18-3-2017 trên đường Lý Nam Đế thuộc phường Kim L, thành phố Huế, Hoàng Trọng T điều khiển xe mô tô 75L1-3173 tiếp cận xe mô tô 73G1-044.40 do chị Ngô Thị H điều khiển, dùng tay phải giật sợi dây chuyền vàng chị H đang đeo trên cổ rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sợi dây chuyền qua giám định là vàng và có giá trị 2.510.650 đồng. Như vậy, hành vi lợi dụng sơ hở, nhanh chóng tiếp cận giật tài sản rồi tẩu thoát của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”; khi thực hiện hành vi, bị cáo sử dụng xe mô tô, chị H cũng đang điều khiển xe mô tô nên bị cáo phạm vào tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Hoàng Trọng T là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, đã bị kết án phạt tù về tội chiếm đoạt nhưng không lấy đó làm bài học rèn luyện; bản thân có nghề nghiệp nhưng không chịu khó lao động. Ngược lại, với ý thức coi thường pháp luật, lối sống ăn chơi, đua đòi, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài đã thực hiện hành vi cố ý xâm phạm trái phép tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác.

Mặt khác, bị cáo thực hiện hành vi khi chị H đang điều khiển xe mô tô chở chị H1 phía sau là rất nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của chị Hương, chị Hà và chính bị cáo. Tuy nhiên, tài sản bị chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi trả lại một phần cho người bị hại.

Về tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng.

Về giảm nhẹ: Bị cáo đã tác động mẹ đẻ là bà Đặng Thị Phương D bồi thường đầy đủ thiệt hại cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ. Tuy nhiên, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên toà là quá nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả gây ra và các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm trên địa bàn.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Ngô Thị H đã nhận lại sợi dây chuyền bị cáo chiếm đoạt và 1.000.000 đồng bồi thường đoạn dây chuyền bị mất; không có yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đã xử lý trả lại một sợi dây chuyền kim loại màu vàng và một tượng dây chuyền kim loại vàng sau khi giám định, định giá cho chủ sở hữu Ngô Thị H; trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobii Star màu vàng, 02 chiếc dép xỏ ngón hiệu Bitis, màu vàng đen; trả lại cho bà Đặng Thị Phương D xe mô tô biển số 75L1-3173 là đúng quy định; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Trọng T (Cu E) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Hoàng Trọng T: 03 (ba) năm tù; thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 19-3-2017.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự

năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt kể từ ngày được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CA thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Bị cáo, NBH, NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Trường